

Số: /QĐ-UBND

Lai Châu, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh về quy mô, địa điểm, số lượng dự án, công trình và nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trong Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Phong Thổ; điều chỉnh khoản 2 Điều 1 Quyết định số 387/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 của UBND tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; số 148/NĐ-CP ngày 18/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/04/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND tỉnh: Số 18/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 chấp thuận bổ sung danh mục các dự án phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ năm 2019 trên địa bàn tỉnh; số 46/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 chấp thuận danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng, chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng rừng năm 2020 trên địa bàn tỉnh; số 03/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 và số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2021 trên địa bàn tỉnh, số 65/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 chấp thuận danh mục các công trình, dự án thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất năm 2022 trên địa bàn tỉnh; số 09/NQ-HĐND ngày

29/3/2022 chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2022 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Lai Châu: Số 630/QĐ-UBND ngày 03/6/2021 về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Phong Thổ; số 1793/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Phong Thổ;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2363/TTr-STNMT ngày 07/10/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh về quy mô, địa điểm, số lượng dự án, công trình và nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trong Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất năm 2022 của huyện Phong Thổ, cụ thể như sau:

1. Dự án đầu tư cơ sở làm việc Công an các xã với diện tích 1,115 ha, trong đó:

a) Trụ sở làm việc Công an xã Bản Lang với diện tích 0,145 ha (tăng 0,045 ha so với quy hoạch đã được phê duyệt);

b) Trụ sở làm việc Công an xã Huổi Luông với diện tích 0,115 ha (tăng 0,015 ha so với quy hoạch đã được phê duyệt);

c) Trụ sở làm việc Công an xã Ma Li Pho với diện tích 0,17 ha (tăng 0,07 ha so với quy hoạch đã được phê duyệt);

d) Trụ sở làm việc Công an xã Mồ Sì San với diện tích 0,12 ha (tăng 0,02 ha so với quy hoạch đã được phê duyệt);

đ) Trụ sở làm việc Công an xã Mù Sang với diện tích 0,2 ha (tăng 0,1 ha so với quy hoạch đã được phê duyệt);

e) Trụ sở làm việc Công an xã Nậm Xe với diện tích 0,11 ha (tăng 0,01 ha so với quy hoạch đã được phê duyệt);

f) Trụ sở làm việc Công an xã Vàng Ma Chải với diện tích 0,105 ha (tăng 0,005 ha so với quy hoạch đã được phê duyệt);

g) Trụ sở làm việc Công an xã Pa Vây Sủ với diện tích 0,15 ha (tăng 0,05 ha so với quy hoạch đã được phê duyệt);

2. Thủy điện Vàng Ma Chải 2 với diện tích là 27,3 ha (*giảm 9,46 ha so với quy hoạch đã được phê duyệt*);
3. Thủy điện Vàng Ma Chải 3 với diện tích là 16,4 ha (*giảm 10,72 ha so với quy hoạch đã được phê duyệt*);
4. Thủy điện Nậm Lũng với diện tích là 10,39 ha (*tăng 1,57 ha so với quy hoạch đã được phê duyệt*);
5. Trường Mầm non Ma Li Pho với diện tích là 0,318 ha (*giảm 0,072 ha so với quy hoạch đã được phê duyệt*);
6. Xây dựng phòng học đa chức năng Trường tiểu học Khổng Lào với diện tích là 0,403 ha (*giảm 0,297 ha so với quy hoạch đã được phê duyệt*);
7. Đấu giá đất ở xã Sin Suối Hồ với diện tích là 0,14 ha (*tăng 0,04 ha so với quy hoạch đã được phê duyệt*);
8. Đấu giá đất ở xã Ma Li Pho với diện tích là 0,29 ha (*tăng 0,17 ha so với quy hoạch đã được phê duyệt*);
9. Trạm biến áp 220kV Phong Thổ với diện tích là 5,3 ha (*tăng 0,12 ha so với quy hoạch đã được phê duyệt*);
10. Khai thác chì, kẽm tại mỏ Tả Lèng Sung, xã Bản Lang với diện tích là 9,85 ha (*giảm 0,25 ha so với quy hoạch đã được phê duyệt*);
11. Thủy điện Phai Cát với diện tích là 12,24 ha (*giảm 18,63 ha so với quy hoạch đã được phê duyệt*);
12. Trồng rừng sản xuất và chăn nuôi gia súc tại xã Huổi Luông với diện tích 57,1 ha;
13. Xây dựng nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi tại huyện Phong Thổ với diện tích 2,55 ha;
14. Nhà văn hóa bản Tô Y Phìn với diện tích là 0,03 ha;
15. Khu công nghiệp Mường So với diện tích 200 ha (*điều chỉnh ranh giới, vị trí khu đất*);
16. Chuyển mục đích sử dụng đất theo đề nghị của các của hộ gia đình, cá nhân với diện tích 0,922 ha, gồm:
 - a) Chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất ở tại nông thôn xã Khổng Lào với diện tích 0,7 ha;
 - b) Chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất ở tại nông thôn xã Hoang Thèn với diện tích 0,122 ha;

c) Chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp xã Mường So với diện tích 0,1 ha.

(Vị trí, diện tích và chi tiết các loại đất của từng công trình, dự án được điều chỉnh, bổ sung có sơ đồ kèm theo)

Điều 2. Điều chỉnh khoản 2 Điều 1 Quyết định số 387/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 của UBND tỉnh thành “2. Trụ sở làm việc Công an xã Sì Lở Lầu với diện tích 0,14 ha”.

Các nội dung khác giữ nguyên theo Quyết định số 387/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 của UBND tỉnh.

Điều 3. Giao trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị

1. Ủy ban nhân dân huyện Phong Thổ

a) Tổ chức công bố, công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định hiện hành.

b) Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo đúng thẩm quyền.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm hướng dẫn các Nhà đầu tư về trình tự, thủ tục đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

3. Sở Công Thương có trách nhiệm hướng dẫn các Nhà đầu tư các dự án thủy điện thực hiện theo quy định về quản lý quy hoạch thủy điện.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm hướng dẫn các Nhà đầu tư về trình tự thủ tục chuyển mục đích sử dụng rừng, trồng rừng thay thế (nếu có) và các nội dung khác theo chức năng, nhiệm vụ.

5. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Hướng dẫn các Nhà đầu tư hoàn thiện hồ sơ pháp lý về lĩnh vực tài nguyên và môi trường đảm bảo theo quy định.

b) Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được duyệt.

6. Các Nhà đầu tư và hộ gia đình, cá nhân:

Hoàn thiện các thủ tục pháp lý về đầu tư, đất đai, môi trường và các lĩnh vực khác có liên quan theo quy định trước khi thực hiện dự án; chỉ được phép thực hiện công trình, dự án sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và là một phần của Quyết định số 630/QĐ-UBND ngày 03/6/2021 của UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND huyện Phong Thổ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, PCT. UBND tỉnh;
- V1, V3;
- CB;
- Lưu: VT, Kt1, Kt4.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hà Trọng Hải

DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG QUY MÔ, ĐỊA ĐIỂM, SỐ LƯỢNG CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN VÀ NHU CẦU CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRONG QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT THỜI KỲ 2021-2030 VÀ CẬP NHẬT VÀO KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2022 CỦA HUYỆN PHONG THỔ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

STT	Tên dự án	Địa điểm thực hiện	Loại đất theo hiện trạng đang quản lý sử dụng (ha)	Quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt		Diện tích sau điều chỉnh, bổ sung		Căn cứ pháp lý	Ghi chú
				Diện tích (ha)	Loại đất (ha)	Diện tích (ha)	Loại đất		
1. Dự án đầu tư cơ sở làm việc Công an các xã									
a	Trụ sở làm việc Công an xã Bản Lang	Xã Bản Lang	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC) 0,06 ha; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 0,085 ha	0,1	Đất an ninh (CAN)	0,145	Đất an ninh (CAN)	Quyết định số 4494/QĐ-BCA-H01 ngày 16/6/2022 của Bộ Công an về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án xây dựng trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn biên giới thuộc Công an các tỉnh; Công văn số 3154/CAT-PH10 ngày 21/6/2022 của Công an tỉnh về việc đăng ký điều chỉnh quy mô, vị trí dự án trong quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và bổ sung dự án thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022	Điều chỉnh địa điểm, quy mô dự án
b	Trụ sở làm việc Công an xã Huổi Luông	Xã Huổi Luông	Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 0,115 ha	0,1	Đất an ninh (CAN)	0,115	Đất an ninh (CAN)	Quyết định số 4494/QĐ-BCA-H01 ngày 16/6/2022 của Bộ Công an về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án xây dựng trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn biên giới thuộc Công an các tỉnh; Công văn số 3154/CAT-PH10 ngày 21/6/2022 của Công an tỉnh về việc đăng ký điều chỉnh quy mô, vị trí dự án trong quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và bổ sung dự án thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022	Điều chỉnh địa điểm, quy mô dự án

c	Trụ sở làm việc Công an xã Ma Li Pho	Xã Ma Li Pho	Đất rừng sản xuất (RSX) 0,17 ha	0,1	Đất an ninh (CAN)	0,17	Đất an ninh (CAN)	Quyết định số 4494/QĐ-BCA-H01 ngày 16/6/2022 của Bộ Công an về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án xây dựng trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn biên giới thuộc Công an các tỉnh; Công văn số 3154/CAT-PH10 ngày 21/6/2022 của Công an tỉnh về việc đăng ký điều chỉnh quy mô, vị trí dự án trong quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và bổ sung dự án thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022	Điều chỉnh địa điểm, quy mô dự án
d	Trụ sở làm việc Công an xã Mô Sì San	Xã Mô Sì San	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 0,12 ha	0,1	Đất an ninh (CAN)	0,12	Đất an ninh (CAN)	Quyết định số 4494/QĐ-BCA-H01 ngày 16/6/2022 của Bộ Công an về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án xây dựng trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn biên giới thuộc Công an các tỉnh; Quyết định số 630/QĐ-UBND ngày 03/6/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của huyện Phong Thổ	Điều chỉnh địa điểm, quy mô dự án
đ	Trụ sở làm việc Công an xã Mù Sang	Xã Mù Sang	Đất rừng phòng hộ (RPH) 0,20 ha	0,1	Đất an ninh (CAN)	0,2	Đất an ninh (CAN)	Quyết định số 4494/QĐ-BCA-H01 ngày 16/6/2022 của Bộ Công an về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án xây dựng trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn biên giới thuộc Công an các tỉnh; Công văn số 3154/CAT-PH10 ngày 21/6/2022 của Công an tỉnh về việc đăng ký điều chỉnh quy mô, vị trí dự án trong quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và bổ sung dự án thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022	Điều chỉnh địa điểm, quy mô dự án
e	Trụ sở làm việc Công an xã Nậm Xe	Xã Nậm Xe	Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BH) 0,027 ha; Đất nuôi trồng thủy sản (NST) 0,036 ha; Đất ở tại nông thôn (ONT) 0,045 ha; Đất giao thông (DGT) 0,002 ha	0,1	Đất an ninh (CAN)	0,11	Đất an ninh (CAN)	Quyết định số 4494/QĐ-BCA-H01 ngày 16/6/2022 của Bộ Công an về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án xây dựng trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn biên giới thuộc Công an các tỉnh; Công văn số 3154/CAT-PH10 ngày 21/6/2022 của Công an tỉnh về việc đăng ký điều chỉnh quy mô, vị trí dự án trong quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và bổ sung dự án thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022	Điều chỉnh địa điểm, quy mô dự án

f	Trụ sở làm việc Công an xã Vàng Ma Chải	Xã Vàng Ma Chải	Đất xây dựng trụ sở cơ quan (TSC) 0,07 ha; Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 0,035 ha	0,1	Đất an ninh (CAN)	0,105	Đất an ninh (CAN)	Quyết định số 4494/QĐ-BCA-H01 ngày 16/6/2022 của Bộ Công an về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án xây dựng trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn biên giới thuộc Công an các tỉnh; Công văn số 3154/CAT-PH10 ngày 21/6/2022 của Công an tỉnh về việc đăng ký điều chỉnh quy mô, vị trí dự án trong quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và bổ sung dự án thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022	Điều chỉnh quy mô, ranh giới thực hiện dự án
g	Trụ sở làm việc Công an xã Pa Vây Sừ	Xã Pa Vây Sừ	Đất rừng phòng hộ (RPH) 0,15 ha	0,1	Đất an ninh (CAN)	0,15	Đất an ninh (CAN)	Quyết định số 4494/QĐ-BCA-H01 ngày 16/6/2022 của Bộ Công an về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án xây dựng trụ sở làm việc Công an xã, thị trấn biên giới thuộc Công an các tỉnh; Công văn số 3154/CAT-PH10 ngày 21/6/2022 của Công an tỉnh về việc đăng ký điều chỉnh quy mô, vị trí dự án trong quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và bổ sung dự án thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022	Điều chỉnh địa điểm, quy mô dự án
2	Thủy điện Vàng Ma Chải 2	Xã: Vàng Ma Chải, Pa Vây Sừ, Tung Qua Lìn, Bản Lang, Đào San	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC) 0,01 ha; đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 7,43 ha; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 10,38 ha; đất trồng cây lâu năm (CLN) 0,01 ha; đất rừng phòng hộ (RPH) 0,96 ha; đất ở tại nông thôn (ONT) 0,02 ha; đất giao thông (DGT) 0,68 ha; đất thủy lợi (DTL) 0,1 ha; đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối (SON) 2,11 ha; đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 5,6 ha	36,76	Đất công trình năng lượng (DNL)	27,3	Đất công trình năng lượng (DNL)	Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 23/7/2019; số 46/NQ-HĐND ngày 11/12/2019; số 03/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh về việc chấp thuận danh mục các công trình, dự án thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh	Điều chỉnh quy mô và ranh giới thực hiện dự án

3	Thủy điện Vàng Ma Chải 3	Xã: Vàng Ma Chải, Mù Sang, Đào San	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 3,92 ha; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 9,31 ha; đất trồng cây lâu năm (CLN) 0,25 ha; đất giao thông (DGT) 0,06 ha; đất thủy lợi (DTL) 0,05 ha; đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối (SON) 1,93 ha; đất bằng chưa sử dụng (BCS) 0,21 ha; đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 0,67 ha	27,12	Đất công trình năng lượng (DNL)	16,40	Đất công trình năng lượng (DNL)	Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 23/7/2019; số 03/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh về việc chấp thuận danh mục các công trình, dự án thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh	Điều chỉnh quy mô và ranh giới thực hiện dự án
4	Thủy điện Nậm Lụng	Các xã Bản Lang, Khổng Lào	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 0,6 ha; đất trồng cây lâu năm (CLN) 0,1 ha; đất rừng phòng hộ (RPH) 0,84 ha; đất giao thông (DGT) 0,5 ha; đất công trình năng lượng (DNL) 1,12 ha; đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối (SON) 0,13 ha; đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 7,1 ha	8,82	Đất công trình năng lượng (DNL)	10,39	Đất công trình năng lượng (DNL)	Quyết định số 451/QĐ-UBND ngày 17/4/2006 của UBND tỉnh cho phép Công ty TNHH XD và TMTH Tiến Thành đầu tư xây dựng nhà máy thủy điện Nậm Lụng tại huyện Phong Thổ	Điều chỉnh quy mô và ranh giới thực hiện dự án
5	Trường Mầm non Ma Li Pho	Xã Ma Li Pho	Đất trồng cây lâu năm (CLN) 0,204 ha; đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo (DGD) 0,103 ha; đất giao thông (DGT) 0,011 ha	0,39	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo (DGD)	0,318	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo (DGD)	Quyết định số 4495/QĐ-UBND ngày 07/12/2020 của UBND huyện về việc phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Trường Mầm non Ma Li Pho, xã Ma Li Pho, huyện Phong Thổ; Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2021 trên địa bàn tỉnh	Điều chỉnh quy mô và ranh giới thực hiện dự án

6	Xây dựng phòng học đa chức năng Trường tiểu học Khổng Lào	Xã Khổng Lào	Đất ở tại nông thôn (ONT) 0,04 ha; đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 0,073 ha; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 0,15 ha; đất rừng sản xuất (RSX) 0,14 ha	0,7	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo (DGD)	0,403	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo (DGD)	Quyết định số 4489/QĐ-UBND ngày 07/12/2020 của Ủy ban nhân dân huyện về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình: Xây dựng phòng học đa chức năng trường tiểu học Khổng Lào xã Khổng Lào, huyện Phong Thổ' Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2021 trên địa bàn tỉnh	Điều chỉnh quy mô và ranh giới thực hiện dự án
7	Đấu giá đất ở xã Sin Suối Hồ	Xã Sin Suối Hồ	Đất bằng chưa sử dụng (BCS) 0,1 ha	0,1	Đất ở tại nông thôn (ONT)	0,14	Đất ở tại nông thôn (ONT)	Tờ trình số 240/TTr-UBND ngày 30/8/2022 của UBND huyện Phong Thổ về việc điều chỉnh, cập nhật bổ sung công trình, dự án trong quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm huyện Phong Thổ	Điều chỉnh quy mô và ranh giới thực hiện dự án
8	Đấu giá đất ở xã Ma Li Pho	Xã Ma Li Pho	Đất bằng chưa sử dụng (BCS) 0,29 ha	0,12	Đất ở tại nông thôn (ONT)	0,29	Đất ở tại nông thôn (ONT)	Tờ trình số 240/TTr-UBND ngày 30/8/2022 của UBND huyện Phong Thổ về việc điều chỉnh, cập nhật bổ sung công trình, dự án trong quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm huyện Phong Thổ	Điều chỉnh quy mô và ranh giới thực hiện dự án
9	Trạm biến áp 220kV Phong Thổ	Xã: Mường So, Lán Nhì Thành	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 5,055 ha; đất rừng sản xuất (RSX) 0,167 ha; đất ở tại nông thôn (ONT) 0,012 ha; đất giao thông (DGT) 0,034 ha; đất đồi núi chưa sử dụng DCS 0,032 ha	5,18	Đất công trình năng lượng (DNL)	5,3	Đất công trình năng lượng (DNL)	Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 của HĐND tỉnh về việc chấp thuận danh mục các công trình, dự án thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 1552/QĐ-EVNNPT ngày 31/10/2020 của Tổng Công ty truyền tải điện Quốc gia về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Trạm biến áp 220KV Phong Thổ	Điều chỉnh quy mô và ranh giới thực hiện dự án
10	Khai thác chì, kẽm tại mỏ Tả Lèng Sung, xã Bản Lang	Xã Bản Lang	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản (SKS) 9,85 ha	10,1	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản (SKS)	9,85	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản (SKS)	Tờ trình số 261/TTr-UBND ngày 30/9/2022 của UBND huyện Phong Thổ về việc điều chỉnh, bổ sung công trình, dự án trong quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm huyện Phong Thổ	Điều chỉnh quy mô và ranh giới thực hiện dự án

11	Thủy điện Phai Cát	Thị trấn Phong Thổ và xã Khổng Lào	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC) 1,77 ha; đất trồng lúa nước còn lại (LUK) 0,33 ha; đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 2,76 ha; đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 1,5 ha; đất nuôi trồng thủy sản (NST) 0,05 ha; đất trồng cây lâu năm (CLN) 0,37 ha; đất ở tại đô thị (ODT) 0,015 ha; đất ở tại nông thôn (ONT) 0,01 ha; đất giao thông (DGT) 0,09 ha; đất thủy lợi (DTL) 0,125 ha; đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối (SON) 2,88 ha; đất bằng chưa sử dụng (BCS) 1,1 ha; đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 1,24 ha	30,87	Đất công trình năng lượng (DNL)	12,24	Đất công trình năng lượng (DNL)	Quyết định số 2468/QĐ-BCT ngày 21/9/2020 của Bộ Công thương về việc phê duyệt bổ sung Quy hoạch thủy điện nhỏ toàn quốc trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Công văn số 1103/UBND-KTN ngày 07/4/2022 của UBND tỉnh Lai Châu về thực hiện quy hoạch, đầu tư xây dựng và vận hành khai thác các dự án/công trình thủy điện; Tờ trình số 261/TTr-UBND ngày 30/9/2022 của UBND huyện Phong Thổ	Điều chỉnh quy mô và ranh giới thực hiện dự án
12	Trồng rừng sản xuất và chăn nuôi gia súc tại xã Huổi Luông	Xã Huổi Luông	Đất trồng cây lâu năm (CLN) 3,83 ha; đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 53,27 ha.	57,1	Đất trồng rừng sản xuất (RSX)	57,10	Đất trồng rừng sản xuất (RSX)	Công văn số 2784/UBND-TH ngày 03/8/2022 của UBND tỉnh Lai Châu về việc xem xét giải quyết đề nghị của Công ty TNHH Trồng và Chế biến Nông lâm sản Lai Châu	Điều chỉnh số lượng dự án
13	Xây dựng nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi tại huyện Phong Thổ	Thị trấn Phong Thổ, xã Mường So	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 2,55 ha	2,55	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC) 2,37 ha; đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 0,18 ha.	2,55	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC)	Công văn số 2857/UBND-TH ngày 09/8/2022 của UBND tỉnh Lai Châu về việc xem xét giải quyết đề nghị của Công ty TNHH sản xuất và chế biến thức ăn chăn nuôi Lai Châu	Điều chỉnh số lượng dự án

14	Nhà văn hóa bản Tô Y Phìn	Xã Mò Si San	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 0,03 ha	0,03	Đất cơ sở văn hóa (DVH)	0,03	Đất cơ sở văn hóa (DVH)	Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 15/9/2021 của HĐND tỉnh về chấp thuận danh mục các công trình, dự án thu hồi đất, mức vốn bồi thường giải phóng mặt bằng và danh mục các công trình, dự án phải chuyển mục đích sử dụng đất phát sinh năm 2021 trên địa bàn tỉnh; Tờ trình số 261/TTr- UBND ngày 30/9/2022 của UBND huyện Phong Thổ về việc điều chỉnh, bổ sung công trình, dự án trong quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm huyện Phong Thổ	Điều chỉnh địa điểm thực hiện dự án
15	Khu công nghiệp Mường So	Xã: Mường So, Lán Nhì Thàng	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) 15,59 ha; đất trồng cây lâu năm (CLN) 0,7 ha; đất rừng sản xuất (RSX) 71,41 ha; đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC) 1,81 ha; đất sản xuất vật liệu xây dựng (SKX) 3,74 ha; đất chưa sử dụng (CSD) 106,75 ha	200	Đất khu công nghiệp (SKK)	200	Đất khu công nghiệp (SKK)	- Tờ trình số 261/TTr-UBND ngày 30/9/2022 của UBND huyện Phong Thổ về việc điều chỉnh, bổ sung công trình, dự án trong quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm huyện Phong Thổ; - Biên bản làm việc ngày 29/9/2022	Điều chỉnh ranh giới thực hiện dự án
16. Chuyển mục đích sử dụng đất theo nhu cầu của hộ gia đình, cá nhân									
a	Chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất ở tại nông thôn	Xã Không Lào	Đất trồng cây lâu năm (CLN) 0,7 ha			0,7	Đất ở nông thôn (ONT)	Tờ trình số 240/TTr-UBND ngày 30/8/2022 của UBND huyện Phong Thổ về việc điều chỉnh, cập nhật bổ sung công trình, dự án trong quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm huyện Phong Thổ	
b	Chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất ở tại nông thôn	Xã Hoang Thèn	Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 0,122 ha			0,122	Đất ở nông thôn (ONT)	Tờ trình số 240/TTr-UBND ngày 30/8/2022 của UBND huyện Phong Thổ về việc điều chỉnh, cập nhật bổ sung công trình, dự án trong quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm huyện Phong Thổ	

c	Chuyên mục đích sử dụng đất nông nghiệp sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	Xã Mường So	Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK) 0,1 ha	0,1	Đất ở nông thôn (ONT)	0,1	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC)	Tờ trình số 240/TTr-UBND ngày 30/8/2022 của UBND huyện Phong Thổ về việc điều chỉnh, cập nhật bổ sung công trình, dự án trong quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất hàng năm huyện Phong Thổ	Điều chỉnh mục đích sử dụng đất
Điều chỉnh khoản 2 Điều 1 Quyết định số 387/QĐ-UBND ngày 29/3/2022 của UBND tỉnh									
1	Trụ sở làm việc Công an xã Sì Lở Lầu	Xã Sì Lở Lầu	Đất đồi núi chưa sử dụng (DCS) 0,14 ha	0,2	Đất an ninh (CAN)	0,140	Đất an ninh (CAN)	Quyết định số 1632/QĐ-UBND ngày 07/12/2021 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt dự án Đầu tư cơ sở làm việc Công an các xã, thị trấn; Công văn số 4277/CAT-PH10 ngày 23/8/2022 của Công an tỉnh về việc đăng ký điều chỉnh quy mô, vị trí dự án trong quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và bổ sung dự án thực hiện trong kế hoạch sử dụng đất năm 2022	Điều chỉnh địa điểm, quy mô dự án